

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢN ĐỒ VÀ TRANH ẢNH GIÁO DỤC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN / ANNUAL REPORT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên Công ty/Name of Company: Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục
Năm báo cáo/Year: 2019

I. Thông tin chung/ General information

1. Thông tin khái quát/ General information

- Tên giao dịch/ *Trading name*: **Education Cartography And Illustration Joint Stock Company (ECICO...JSC)**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/*Certificate of business registration No*: 0102137109 do Sở Kế hoạch – Đầu tư TP. Hà Nội cấp ngày 15/06/2011

- Vốn điều lệ/ *Charter capital*: **18.600.000.000 đồng**

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital*:

- Địa chỉ/*Address*: Số 45 Hàng Chuối, Phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

- Số điện thoại/*Telephone*: 024.39728395

- Số fax/*Fax*: 024.39728395

- *Website*: www.bandotranhanh.vn

- Mã cổ phiếu (nếu có)/*Securities code (if any)*: **ECI**

1. Quá trình hình thành và phát triển/Incorporation and development process

- Quá trình hình thành và phát triển/ *Foundation and development process* (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/ *Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now*).

+ Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục tiền thân là Trung tâm Bản đồ giáo khoa, trực thuộc Tổng công ty Cơ sở vật chất và thiết bị - Bộ Giáo dục, được thành lập tháng 5 năm 1989 với 08 cán bộ, nhân viên, làm nhiệm vụ chủ yếu là nghiên cứu khoa học, lấy thu bù chi.

Năm 1996, Trung tâm Bản đồ giáo khoa được chuyển đổi thành Trung tâm Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục thuộc Nhà xuất bản Giáo dục, có nhiệm vụ phát triển sản xuất và cung ứng đầy đủ, đồng bộ, kịp thời bản đồ, tranh ảnh giáo khoa, atlas, tập bản đồ phục vụ giáo viên và học sinh trong cả nước.

Năm 2003, Trung tâm Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục được chuyển đổi thành Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa thuộc Công ty mẹ Nhà xuất bản Giáo dục.

Ngày 02 tháng 01 năm 2007, Công ty đã chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục với mức vốn điều lệ là 3.400.000.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm triệu đồng).

Được sự chấp thuận của đại hội đồng cổ đông Công ty theo quyết định số 01/NĐ-ĐHĐCĐ-2007 ngày 28/03/2008, Công ty đã tiến hành tăng vốn từ 3.400.000.000 đồng lên 18.600.000.000 đồng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn, mở rộng sản xuất kinh doanh.

Với 30 năm xây dựng và phát triển, Công ty đã góp phần đáng kể trong việc xây dựng ngành khoa học bản đồ giáo khoa, phục vụ sự nghiệp giáo dục. Công ty cũng đã tham mưu với Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập Hội đồng Bản đồ giáo khoa, gồm các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành về bản đồ giáo khoa để chỉ đạo chuyên môn, thẩm định hệ thống tiêu chuẩn các loại hình bản đồ giáo khoa, phương pháp lập, sử dụng bản đồ giáo khoa, đóng góp ý kiến cũng như phát hiện, đề xuất các vấn đề có liên quan đến nội dung, loại hình và phương pháp sử dụng bản đồ giáo khoa trong trường phổ thông, cung cấp bản đồ giáo khoa, tranh ảnh giáo dục cho toàn ngành giáo dục trên cả nước.

+ Niêm yết:

Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 211/QĐ-TTGDHN ngày 25/5/2009 của Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán ECI. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 16/6/2009.

- Các sự kiện khác/*Other events*

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:*

- **Ngành nghề kinh doanh/*Lines of the business:*** (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

- Biên soạn, in và phát hành bản đồ, tranh ảnh giáo dục, sách giáo dục, băng đĩa CDROM giáo dục, sách điện tử;

- Sản xuất và kinh doanh thiết bị giáo dục phục vụ việc giảng dạy, học tập cho các ngành học, bậc học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học) và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội (trừ các loại nhà nước cấm).

- Kinh doanh các xuất bản phẩm được phép lưu hành (trừ các loại nhà nước cấm).

- Sản xuất và kinh doanh thiết bị dạy nghề, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, nguyên liệu, vật tư phục vụ sản xuất thiết bị giáo dục.

- Thiết kế, tạo mẫu, chế bản điện tử các sản phẩm trong lĩnh vực giáo dục (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình).

- Kinh doanh thiết bị điện tử, tin học phục vụ dạy và học trong nhà trường;
- Kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị ngành in.
- Môi giới thương mại và quảng cáo thương mại.
- Những ngành nghề mà pháp luật không cấm.

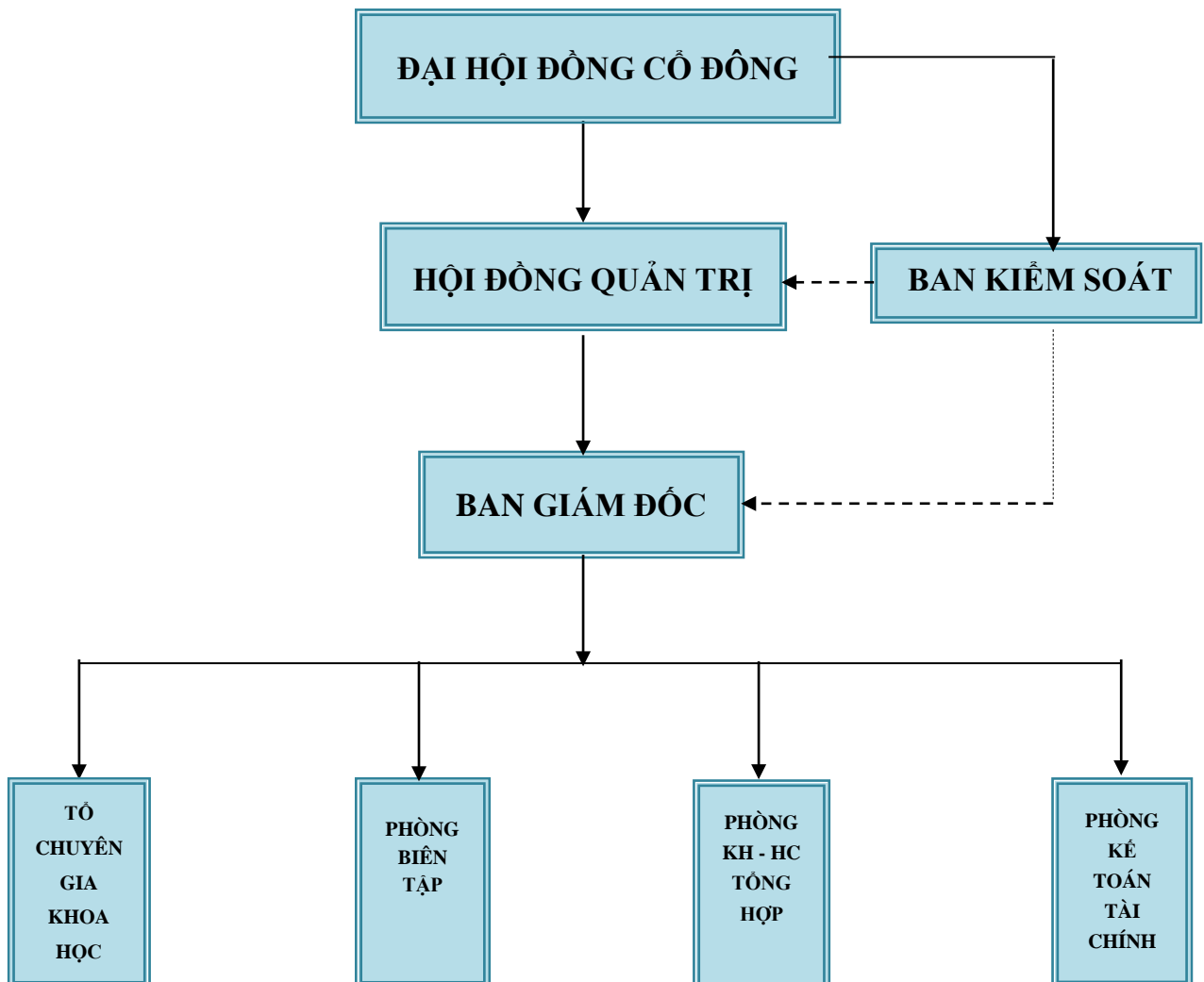
- **Địa bàn kinh doanh/Location of business:** (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*): Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng.....

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus

3.1 Mô hình quản trị/ Governance model.

Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 68/2015/QH đã được Quốc hội nước khóa XIII nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014, các Luật khác và Điều lệ Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua vào ngày 16 tháng 04 năm 2018.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN BẢN ĐỒ VÀ TRANH ẢNH GIÁO DỤC



Ghi chú: → : Quản lý, điều hành trực tiếp

 --→ : Giám sát hoạt động

3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Managementstructure.*

3.2.1 Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

3.2.2 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp, Điều lệ công ty, Quy chế quản trị Công ty quy định. HĐQT của Công ty có 05 thành viên. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu.

3.2.3 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan có chức năng hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Giám đốc, Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên, do ĐHĐCĐ bầu ra và thay mặt ĐHĐCĐ giám sát mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, báo cáo trực tiếp ĐHĐCĐ.

3.2.4 Ban Giám đốc

❖ *Giám đốc Công ty:*

Giám đốc Công ty là người đại diện của Công ty trong việc điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm. Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ *Phó Giám đốc Công ty:*

Phó Giám đốc Công ty giúp việc cho Giám đốc điều hành mọi hoạt động của Công ty trong các lĩnh vực theo sự phân công và uỷ quyền của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và uỷ quyền.

❖ *Kế toán trưởng Công ty:*

Kế toán trưởng của Công ty giúp Giám đốc Công ty chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kế toán, tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật

3.2.5 Các phòng, ban chức năng

❖ **Phòng Kế hoạch - Hành chính tổng hợp**

- Phòng được thành lập để thực hiện chức năng xây dựng và triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Nghiên cứu thị trường, xây dựng danh mục sản phẩm, lên kế hoạch sản xuất kinh doanh.

- Khai thác thị trường sản phẩm.

- Xây dựng và thực hiện chiến lược Marketing

- Thực hiện công việc về kế hoạch kho vận, phát hành.

- Quản lý và điều hành công tác hành chính, văn thư lưu trữ, thi đua khen thưởng, công tác bảo hộ lao động, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, đảm bảo an ninh trật tự, quản lý tài sản và trang thiết bị tại văn phòng Công ty, bảo vệ tài sản Công ty và các công tác chế độ chính sách liên quan đến người lao động.

- Tham mưu cho Giám đốc trong công tác tuyển chọn người lao động có trình độ và sức khỏe, nghiên cứu sắp xếp tổ chức bộ máy phù hợp với từng giai đoạn, phù hợp năng lực, thực hiện chức năng hành chính quản trị, giúp Giám đốc về việc ngoại giao, tiếp khách, đối nội và đối ngoại.

- Quản lý sử dụng con dấu Công ty đúng quy định của Công ty và nguyên tắc quản lý hành chính Nhà nước.

❖ **Phòng Kế toán - Tài chính:**

- Phòng Kế toán - Tài chính trực tiếp tham mưu cho Giám đốc tổ chức quản lý, điều hành nguồn lực tài chính đúng pháp luật mang lại hiệu quả cao không ngừng bảo toàn và phát triển nguồn vốn của Công ty

- Tổ chức quản lý kế toán thống nhất, phản ánh kịp thời, chính xác tình hình sản xuất - kinh doanh - dịch vụ của từng bộ phận trong toàn Công ty cho Giám đốc.

- Quản lý, lưu trữ sổ sách, chứng từ kế toán chặt chẽ, khoa học đúng nguyên tắc bảo mật do Nhà nước quy định.

- Phân tích, cân đối các nguồn lực (nguồn nhân lực, nguồn tài chính và các nguồn lực khác) của Công ty để xây dựng và tổng hợp, hoạch định kế hoạch tổng thể và chi tiết phát triển SX-KD hàng năm, tham mưu cho Giám đốc phê duyệt.

- Soạn thảo, xây dựng, đơn đốc thực hiện, giao các chỉ tiêu kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo định kỳ hàng tháng, quý, năm cho Giám đốc và các cơ quan chức năng theo sự chỉ đạo của Giám đốc.

- Thực hiện thanh toán theo các chính sách về lao động tiền lương, các chế độ chính sách liên quan đến người lao động.

❖ **Tổ chuyên gia khoa học:**

- Giúp Công ty trong công tác nghiên cứu, xây dựng hệ thống lý luận và cơ sở khoa học, phát triển hệ thống bản đồ, tranh ảnh giáo khoa.

- Thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng chuyên môn, đào tạo cho các biên tập viên.

❖ **Phòng Biên tập (được thành lập trên cơ sở sáp nhập 03 phòng: Phòng Khoa học - Kỹ thuật bản đồ, Phòng Công nghệ bản đồ, Phòng Tranh ảnh giáo dục)**

- Xây dựng hệ thống lý luận và cơ sở khoa học về bản đồ giáo khoa; xây dựng hệ thống bản đồ giáo khoa cho nhà trường, tiêu chuẩn trang bị bản đồ giáo khoa, nghiên cứu, xây dựng và thiết kế mẫu bản đồ giáo khoa theo chương trình, kế hoạch phát triển của ngành giáo dục. Đội ngũ cán bộ của phòng là các cán bộ đi đầu trong công tác nghiên cứu, thiết kế và biên soạn bản đồ giáo khoa.

- Nghiên cứu công nghệ thông tin vào công tác biên tập bản đồ, tranh ảnh giáo khoa, như ứng dụng các phần mềm đồ họa Mapinfor, Illustrator, Coreldraw, photoshop,... Với hệ thống máy móc, thiết bị kỹ thuật cao, được trang bị như các máy tính Macintosh, PC cấu hình cao, máy quét ảnh, máy in phun khổ lớn, máy chiếu đa phương tiện...

- Xây dựng hệ thống lý luận và cơ sở khoa học về tranh ảnh giáo khoa, nghiên cứu, xây dựng thiết kế mẫu tranh ảnh giáo khoa theo chương trình Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Thực hiện kế hoạch liên kết xuất bản, tổ chức bản thảo của Công ty theo các quy định, quy trình xuất bản sách của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

- Tham mưu, đề xuất việc xây dựng và thực hiện các quy trình, quy định, chế độ về công tác biên tập, tác giả và cộng tác viên.

3.3 Các công ty con, công ty liên kết/ Subsidiaries, associated companies: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/ (Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership rates of the Company in such subsidiaries, associated companies). **không có công ty con, công ty liên kết.**

4. Định hướng phát triển/ Development orientations

4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ Main objectives of the Company.

- **Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ Development strategies in medium and long term.**

*** Sản phẩm:**

+ Khai thác bản thảo theo kế hoạch truyền thống của Công ty: bản đồ giáo khoa, tranh ảnh giáo dục, atlats, sách tham khảo, băng đĩa CDROM giáo dục...

+ Tiếp tục thực hiện liên doanh liên kết sản xuất thiết bị giáo dục tiểu học, THCS, THPT với các Công ty có uy tín trên thị trường.

+ Tích cực triển khai, khai thác các đề tài mới của các mảng sản phẩm truyền thống của Công ty.

+ Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Để chuẩn bị việc làm sách giáo khoa theo chương trình mới, đòi hỏi toàn thể đội ngũ người lao động đồng tâm, hiệp lực, nỗ lực hết mình để triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, phục vụ tốt năm học 2019 - 2020, thực hiện biên soạn bản đồ giáo khoa, tranh ảnh giáo dục theo chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

*** Hoạt động Marketing và thị trường:**

Thực hiện kế hoạch tuyên truyền quảng cáo sản phẩm để sản phẩm của Công ty tiếp cận được với đông đảo giáo viên và học sinh trong cả nước. Cùng cố vững chắc thị trường đã có, tìm kiếm mở rộng thị trường mới.

*** Kế hoạch nhân sự và công tác bồi dưỡng:**

Tăng cường xây dựng và mở rộng đội ngũ tác giả, cộng tác viên có chuyên môn và uy tín trong và ngoài ngành giáo dục, chú trọng bồi dưỡng nâng cao trình độ biên tập viên, chuyên viên và cán bộ quản lý.

Nhìn chung, định hướng phát triển của Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục hoàn toàn phù hợp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thị trường.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.

Tiếp tục thực hiện công tác xã hội từ thiện đối với cộng đồng: ủng hộ đồng bào bị thiên tai, lũ lụt các tỉnh trong cả nước...

5. Các rủi ro/ Risks: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)/ *Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).*

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2018 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại và tiềm ẩn yếu tố khó lường. Thương mại toàn cầu tăng chậm hơn dự báo do những thay đổi trong chính sách thương mại của Mỹ, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng diễn biến phức tạp. Lạm phát toàn cầu có xu hướng tăng cao hơn năm 2017 do giá năng lượng, đặc biệt là giá dầu bình quân tăng mạnh. Bên cạnh đó, căng thẳng thương mại giữa các nước lớn cùng với xu hướng gia tăng chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch có tác động đến sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam và các nước trong khu vực. Ở trong nước, nền kinh tế nước ta cũng đối mặt tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, tác động đến giá lương thực, thực phẩm, ảnh hưởng tới mục tiêu kiểm soát

làm phát; giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp. Ngân sách Nhà nước gặp khó khăn, các chương trình mục tiêu quốc gia bị cắt giảm nguồn, nguồn kinh phí trang bị cho thư viện, đầu tư trang thiết bị trường học ở các địa phương bị hạn chế đồng thời sự cạnh tranh khốc liệt của cơ chế thị trường làm ảnh hưởng đến các doanh nghiệp nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục nói riêng.

II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Yearly Operations*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Situation of production and business operations*

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year*: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv./Specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc..

Đặc điểm tình hình:

*** Thuận lợi:**

- Năm 2019, Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của lãnh đạo Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam;

- Với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, cùng với nỗ lực của Ban Giám đốc, CBCNV trong công ty đã phát huy tính tự chủ, năng động, thích nghi với cơ chế thị trường, tiếp tục mở rộng thị trường, đa dạng hóa sản phẩm.

*** Khó khăn:**

+ Căng thẳng giữa các nền kinh tế lớn khiến thương mại và đầu tư thế giới giảm, niềm tin kinh doanh toàn cầu giảm sút.

+ Do ảnh hưởng của dịch tả lợn châu Phi, tăng giá điện và giá xăng, tiền thuê đất, thuê kho tăng làm chi phí sản xuất kinh doanh tăng;

+ Bộ Giáo dục - Đào tạo quyết định thời gian áp dụng thay sách giáo khoa lớp 1 là năm học 2020 - 2021, số lượng thiết bị giáo dục lớp 1, tập bản đồ Địa lí, Bản đồ - Tranh ảnh Lịch sử lớp 6 ...dự kiến phát hành giảm.

+ Mảng Atlas, tập bản đồ bài tập: Nạn in lậu không kiểm soát được, công tác phát hành mảng tập bản đồ bài tập thực hành Địa lí, Lịch sử giảm sút ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu quả sản xuất - kinh doanh dẫn đến doanh thu bán hàng, lợi nhuận giảm.

+ Mảng bản đồ giáo khoa, tranh ảnh giáo dục: do nhu cầu thay thế hạn chế và chuẩn bị bước vào chu kỳ sách giáo khoa lớp 1 từ năm 2020 nên số lượng in ít, chi phí in cao làm kết quả mảng kinh doanh này cũng gặp nhiều khó khăn.

+ Mạng thiết bị giáo dục là mảng có doanh thu chiếm tỷ trọng lớn, sau mảng sản phẩm chủ lực tập bản đồ, đòi hỏi Công ty cần cập nhật thường xuyên các yêu cầu kỹ thuật do tính đa dạng của sản phẩm. Mảng sản phẩm này có sự cạnh tranh khốc liệt giữa các đơn vị sản xuất, hàng hóa công kênh, chi phí vận chuyển cao, nên kết quả kinh doanh thấp.

+ Theo phương thức thi tốt nghiệp THPT quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Số lượng học sinh đăng ký thi tốt nghiệp THPT quốc gia môn Lịch sử và Địa lý cải thiện đáng kể, tuy nhiên vẫn chiếm tỉ trọng nhỏ.

+ Áp lực cạnh tranh trên thị trường ngày càng gay gắt, nhiều đơn vị trong và ngoài hệ thống NXBGDVN cùng sản xuất và phát hành mảng sản phẩm cạnh tranh nhau.

+ Những biến động về chi phí đầu vào và yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng, thương hiệu, mẫu mã sản phẩm ngày càng cao, đòi hỏi Công ty phải có một bộ máy quản lý có tâm huyết, kinh nghiệm thực tế mới có thể đứng vững và phát triển trong môi trường cạnh tranh ngày càng tăng. Đây là một trong những rủi ro và thách thức lớn nhất đối với Công ty hiện tại và trong tương lai.

1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ *Implementation situation/actual progress against the plan:* So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề./*Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/ excess of the targets and against the preceding years.*

I. CÔNG TÁC BIÊN TẬP - XUẤT BẢN:

Mảng sản phẩm	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Hoàn thành KH %
1. Sách tham khảo theo lớp	28	28	100
2. Sách tham khảo theo cấp	3	3	100
3. Tài liệu địa phương	10	0	0
4. Bản đồ giáo khoa	36	34	94,4
5. Tranh ảnh giáo dục	34	21	61,8
Tổng cộng	111	86	77,5

Năm 2019, Công ty đã biên tập xuất bản được 86 đầu bản đồ, atlát, tranh ảnh giáo dục, sách tham khảo đạt 77,5 % kế hoạch năm.

II. CÔNG TÁC PHÁT HÀNH:

Kết quả phát hành theo mảng sản phẩm:

Đơn vị tính: bản

Mảng sản phẩm	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Hoàn thành KH %
1. Bản đồ GK, Atlát, Tập bản đồ	2.641.130	2.923.814	110,7
2. Tranh ảnh giáo dục, sách tranh, STK	18.260	18.885	103,4
Tổng cộng	2.632.390	2.942.699	111,8

Năm 2019, Công ty đã phát hành được 2.942.699 sản phẩm bản đồ giáo khoa, tranh ảnh giáo dục, Atlát, tập bản đồ, sách tham khảo... đạt 111,8 % kế hoạch năm.

Kết quả doanh thu theo mảng sản phẩm

Đơn vị tính: triệu đồng

Mảng sản phẩm	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Hoàn thành KH %
1. Bản đồ GK, Atlát, Tập bản đồ	36.600	40.844,6	111,6
2. Tranh ảnh, Sách tranh, Sách tham khảo	1.700	1.894,6	111,4
3. Thiết bị giáo dục	17.700	20.041,9	113,2
Tổng cộng	56.000	62.781,1	112,1

Năm 2019, Công ty đã đạt được 62,78 tỷ đồng doanh thu thuần đạt 112,1% kế hoạch năm, đây là nỗ lực rất lớn của Ban Giám đốc và toàn thể CBNV Công ty.

III. CÔNG TÁC TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Hoàn thành KH %
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	56.000	64.178,7	114,6%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	0	1.397,6	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	56.000	62.781,1	112,1%
4	Giá vốn hàng bán	41.800	43.136,9	103,2%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	14.200	19.644,2	138,3%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	400	646,9	161,7%
7	Chi phí tài chính	0	132,1	
8	Chi phí bán hàng	6.000	8.450,9	140,8%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.000	6.435,7	128,7%
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.600	5.272,4	146,4%
11	Thu nhập khác	0	59,0	
12	Chi phí khác	0	4,4	
13	Lợi nhuận khác	0	(54,6)	
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.600	5.327,0	147,9%
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	720	1.102,9	153,2%
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN	2.880	4.224,1	146,7%
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.636	2.400	146,7%
18	Tỷ lệ cổ tức	14%	14%	100%

2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/ *List of the Board of Directors*: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/ *List, curriculum vitae and ownership percentage in voting shares and other securities issued by the Company of the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers*).

2.1. Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Giám đốc điều hành:

- Ngày sinh 15/8/1964 - Nơi sinh: Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kỹ thuật bản đồ
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 5/1989-12/1996: Biên tập viên Phòng KH-KT thuộc Trung tâm Bản đồ giáo khoa;
 - + Từ tháng 1/1997-12/1997: Phó trưởng Phòng KH-KT Trung tâm Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục;
 - + Từ tháng 1/1998 - 2/2003: Phó Giám đốc Trung tâm Bản đồ sau chuyển thành Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa;
 - + Từ tháng 3/2003 - 5/2003: Phó Giám đốc phụ trách Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa;
 - + Từ tháng 6/2003 - 1/2004: Quyền Giám đốc Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa;
 - + Từ tháng 2/2004 - 12/2006: Giám đốc Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa;
 - + Từ tháng 1/2007 - 3/2016: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục;
 - + Từ tháng 4/2016 đến nay: Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục;
- Số cổ phần sở hữu: 4.000 cổ phần Tỷ lệ: 0,23%

2.2. Ông Cao Văn Dũng - Phó Giám đốc

- Ngày sinh: 16/10/1970 - Nơi sinh: Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Địa lý
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 4/1993 - 2003: Biên tập viên Phòng Khoa học - Kỹ thuật bản đồ Trung tâm Bản đồ giáo khoa (tiền thân của Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục);
 - + Từ năm 2004 - 07/2016: Phó Trưởng Phòng Khoa học - Kỹ thuật bản đồ Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục;
 - + Từ tháng 8/2016 - 10/2018: Trưởng Phòng Khoa học - Kỹ thuật bản đồ Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục;

+ Từ ngày 07/11/2018 - nay: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục;

- Số cổ phần sở hữu: 47 cổ phần Tỷ lệ: 0,002%

2.3. Ông Trần Ngọc Điệp - Phó Giám đốc

- Ngày sinh 08/08/1968 – Nơi sinh: Thái Bình

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Địa lý kinh tế

- Quá trình công tác:

+ Từ tháng 10/1991 - 04/1995: Giáo viên Trường THCS Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;

+ Từ tháng 05/1995 - 08/2000: Giáo viên dạy môn Địa lý Trường THPT Chuyên Thái Bình; tỉnh Thái Bình;

+ Từ tháng 9/2000 - 9/2002: Học thạc sĩ tại Đại học Sư phạm Hà Nội;

+ Từ tháng 10/2002 - 11/2003: Giáo viên dạy môn Địa lý Trường THPT Chuyên Thái Bình; tỉnh Thái Bình;

+ Từ tháng 12/2003 - 08/2011: Biên tập viên Địa lý, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam;

+ Từ tháng 09/2011 - 12/2018: Giảng viên, Nghiên cứu viên của Viện Nghiên cứu Sư phạm - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

+ Từ 01/02/2019: Phó Giám đốc Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục;

- Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần Tỷ lệ: 0%

2.4. Bà Đặng Thị Như - Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng:

- Ngày sinh 13/8/1977 – Nơi sinh: Hà Nội

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế

- Quá trình công tác:

+ Từ tháng 10/1999 - 11/2008: kế toán viên Trung tâm Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục sau chuyển thành Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục;

+ Từ tháng 12/2008 - 31/12/2008: Phó trưởng phòng KT-TC Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục;

+ Từ 1/1/2009 - 7/2/2010: Phụ trách Kế toán Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục;

+ Từ 8/2/2010 - nay: Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục;

- Số cổ phần sở hữu: 7.900 cổ phần Tỷ lệ: 0,45%

- Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management:*
(Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/(List the changes in the Board of Management of the year): không thay đổi

- **Số lượng cán bộ, nhân viên.** Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./*Number of staffs. Summary and changes of the employee policies:* Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 40 người. Trong đó, nhân viên gián tiếp là 8 người.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/Investment activities, project implementation

a) Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments:* Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/ *Specify major investments implemented for the year (including financial investments and projects investment), the implementation progress of major projects. In case the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons in case of achievement/failure to achieve the announced and committed targets:* Năm 2018 Công ty không có khoản đầu tư lớn.

b) Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies:* (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/ *(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies):* không có công ty con, công ty liên kết

4. Tình hình tài chính/ Financial situation

a) Tình hình tài chính/ Financial situation

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year 2018	Năm/Year 2019	% tăng giảm/ % change
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ <i>Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	41.514.873.958	42.498.297.458	+ 2,37%
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	61.215.922.052	62.781.118.003	+ 2,56%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>	4.424.079.842	5.272.427.424	+ 19,17%
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	(26.186.395)	54.574.426	
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	4.397.893.447	5.327.001.850	+ 21,12%
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	3.380.912.275	4.224.108.357	+24,93%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i>			
* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ <i>Applicable to credit</i>			

<i>institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>			
Doanh thu/ <i>Revenue</i>			
Thuế và các khoản phải nộp/ <i>Taxes and payables</i>			
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Before tax profit</i>			
Lợi nhuận sau thuế/ <i>After tax profit</i>			

- Các chỉ tiêu khác/ *other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/ *depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ *Major financial benchmarks*:

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year 2018	Năm/Year 2019	Ghi chú/Note
<p><i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio</i></p> <p>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i>:</p> <p>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>)</p> <p>+ Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio</i>:</p> <p><u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u><i>Short term Asset - Inventories</i></u> <u><i>Short term Debt</i></u></p>	<p>4,22</p> <p>3,67</p>	<p>4,74</p> <p>4,14</p>	
<p><i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio</i></p> <p>+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)</p>	<p>0,231</p> <p>0,300</p>	<p>0,207</p> <p>0,261</p>	
<p><i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio</i></p> <p>+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover</i>:</p> <p>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</p> <p>Doanh thu thuần/Tổng tài sản (<i>Net revenue/ Total Assets</i>)</p>	<p>9,25</p> <p>1,474</p>	<p>8,16</p> <p>1,477</p>	

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)	0,0552	0,0673	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)	0,106	0,125	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)	0,081	0,099	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>)	0,072	0,084	
.....			

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/For credit institutions and non-bank financial institutions:

Chỉ tiêu/Figures	Năm/Year 2018	Năm/Year 2019	Ghi chú/Note
1. Quy mô vốn/ Capital scale			
- Vốn điều lệ/ Charter Capital			
- Tổng tài sản có/ Total assets			
- Tỷ lệ an toàn vốn/ Capital adequacy ratio			
2. Kết quả hoạt động kinh doanh/ Operating results			
- Doanh số huy động tiền gửi/ Cash deposits			
- Doanh số cho vay/Lendings			
- Doanh số thu nợ/Debt collection			
- Nợ quá hạn/ Outstanding debts			
- Nợ khó đòi/Bad debt			
- Hệ số sử dụng vốn/ Incremental Capital Output Ratio			
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh (<i>Overdue outstanding underwritten debt/ Total outstanding debt Ratio</i>)			
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ (<i>Overdue outstanding debts/ Total debt Ratio</i>)			
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ (<i>Bad debt/Total debt Ratio</i>)			

3. Khả năng thanh khoản/ Solvency			
- Khả năng thanh toán ngay/Short term solvency			
- Khả năng thanh toán chung/ General solvency			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.

a) Cổ phần/Shares: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, Company Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.

Cổ phiếu	31/12/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.860.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.860.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.860.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	100.000
+ Cổ phiếu phổ thông	100.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.760.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.760.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ	

b) Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác/Specify shareholders structure by ownership proportion (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders).

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông là ngày 13/03/2020, cơ cấu cổ đông của Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục như sau:

Cơ cấu cổ đông	Số lượng	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ
1. Trong nước:	89	1.760.700	94,66%
+ Cá nhân:	77	752.776	40,47%
+ Tổ chức:	12	1.007.924	54,19%
- Nhà nước:	1	390.700	21%
- Tổ chức khác:	11	617.224	33,18%
2. Nước ngoài:	5	99.300	5,34%
+ Cá nhân:	3	7.100	0,38%
+ Tổ chức:	2	92.200	4,96%
3. Cơ cấu cổ đông			
+ Cổ đông lớn:	6	1.570.900	84,45%
+ Cổ đông nhỏ:	87	189.100	10,17%
+ Cổ phiếu quỹ:	1	100.000	5,38%
Tổng cộng	94	1.860.000	100%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity:* Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v./ *Specify equity increases for the year including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc:* Trong năm 2019, Công ty không tăng vốn.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks:* Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ *Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties.* Số lượng cổ phiếu quỹ tại thời điểm 31/12/2019 là 100.000 cổ phiếu.

e) Các chứng khoán khác/ *Other securities:* nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/ *Specify other securities issuance conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issuance.*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Report related impact of the Company on the environment and society*

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/ *Management of raw materials:*

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

6.2. Tiêu thụ năng lượng/ Energy consumption:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly.*

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ Water consumption (water consumption of business activities in the year)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused.*

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ Compliance with the law on environmental protection:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động/ Policies related to employees

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers: 41 người. Mức lương bình quân: 12 triệu đồng/người/tháng.*

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Training employees*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on responsibility for local community.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ *Green capital market activities under the guidance of the SSC.*

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/ *(As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)*

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/*The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Assessment of operating results*

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/ *General analysis of company's operations against the targets and previous operating results. In case the operating results do not meet targets, clearly state the reasons and responsibilities of the Board of Directors for such results (if any).*

Mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức nhưng kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty đã đạt được những thành tích đáng ghi nhận, cụ thể:

+ Tổng doanh thu (doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu khác) đạt 63,487 tỷ, đạt với 113,37% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế đạt 5,321 tỷ đạt 147,8%.

Năm 2019, chỉ tiêu lợi nhuận của Công ty vượt kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 27/03/2019 đề ra. Công ty thực hiện thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông là 14% tương ứng với 100% kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements.*

2. Tình hình tài chính/ *Financial Situation*

a) Tình hình tài sản/ *Assets*

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh

doanh)/ *Analysis of the asset, changes in assets (analysis, assessment of the efficiency of assets usage, bad liabilities, bad assets that affect business results).*

- Cơ cấu tài sản:

Tài sản dài hạn/tổng số tài sản:	1,87%
Tài sản ngắn hạn/tổng số tài sản:	98,13%

Tài sản ngắn hạn chiếm tỉ trọng chủ yếu trong cơ cấu tài sản của Công ty. Để phát triển bền vững, Công ty cần đầu tư nhà xưởng, cơ sở vật chất để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

b) Tình hình nợ phải trả/ *Liabilities*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results.*

Nợ phải trả/tổng nguồn vốn:	20,7 %
Nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn:	79,3 %

Nguồn vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu nguồn vốn chứng tỏ rằng Công ty có khả năng tự chủ về tài chính nhưng vấn đề đặt ra là sử dụng như thế nào để có hiệu quả nguồn vốn kinh doanh đặt ra một bài toán cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ *Improvements in organizational structure, policies, management.*

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ *Development plans in the future*

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

*** Sản phẩm:**

+ Đẩy mạnh xây dựng, biên tập, thiết kế các mảng bản thảo là thế mạnh của Công ty: bản đồ treo tường, tranh ảnh giáo dục, atlas, tập bản đồ theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

+ Tiếp tục thực hiện liên doanh liên kết sản xuất thiết bị giáo dục tiêu học, THCS, THPT với các Công ty có uy tín trên thị trường.

*** Hoạt động Marketing và thị trường:**

+ Xây dựng danh mục bán hàng, tổ chức đi tiếp thị, tuyên truyền giới thiệu sản phẩm đến cơ sở phát hành.

+ Tích cực mở rộng thị phần mảng bản đồ, tranh ảnh tại thị trường phía Nam.

+ Tiếp tục nghiên cứu các nhu cầu đổi mới của ngành giáo dục, nhất là các sản phẩm theo hướng phát huy năng lực của học sinh.

+ Nghiên cứu các mô hình làm sách của nước ngoài để biên tập viên tìm tòi học hỏi cách làm mới.

+ củng cố, xây dựng mối quan hệ hợp tác phát hành với các đơn vị, công ty trong và ngoài NXBGDVN để phát hành sản phẩm.

+ Mở rộng quan hệ hợp tác, liên doanh, liên kết với các đơn vị trong và ngoài NXBGDVN để sản xuất kinh doanh các ấn phẩm và thiết bị giáo dục từ mầm non đến THPT phục vụ năm học 2020 - 2021.

+ Tiếp cận với các Sở GD-ĐT để tập huấn sử dụng tập bản đồ Địa lý, bản đồ - tranh ảnh Lịch sử của Công ty theo hướng phát triển năng lực của học sinh.

*** Kế hoạch nhân sự và công tác bồi dưỡng:**

+ Tăng cường xây dựng và mở rộng đội ngũ tác giả, cộng tác viên có chuyên môn và uy tín trong và ngoài ngành giáo dục.

+ Bồi dưỡng nâng cao trình độ biên tập viên, chuyên viên và cán bộ quản lý để thực hiện làm sách tham khảo, tập bản đồ, tranh ảnh giáo dục...theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

*** Công tác tài chính:**

+ Tổ chức sản xuất - kinh doanh hiệu quả, tiết kiệm chi phí sản xuất;

+ Công khai minh bạch trong quản lý tài chính, trích lập dự phòng đối với những khoản rủi ro cho tình hình tài chính;

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh;

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/Assessment Report related to environmental and social responsibility of company

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...).

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ Review concerning the problems of workers

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ Review concerning corporate responsibility towards the local community

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.

- **Thuận lợi:** Năm 2019, tăng trưởng kinh tế đạt khá cao, năng suất lao động và chất lượng tăng trưởng tiếp tục được cải thiện, kinh tế vĩ mô ổn định vững chắc hơn. Nền kinh tế đất nước từng bước ổn định và phát triển. Ngành giáo dục và đào tạo tiếp tục thực hiện đổi mới dưới sự chỉ đạo của Đảng và Nhà nước. Công ty nhận được sự quan tâm kịp thời của lãnh đạo Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

- **Khó khăn:**

+ Căng thẳng giữa các nền kinh tế lớn khiến thương mại và đầu tư thế giới giảm, niềm tin kinh doanh toàn cầu giảm sút.

+ Do ảnh hưởng của dịch tả lợn châu Phi, tăng giá điện và giá xăng, tiền thuê đất, thuê kho tăng làm chi phí sản xuất kinh doanh tăng;

+ Bộ Giáo dục - Đào tạo quyết định thời gian áp dụng thay sách giáo khoa lớp 1 là năm học 2020 - 2021, số lượng thiết bị giáo dục lớp 1 phát hành giảm sút.

+ Số lượng in bản đồ giáo khoa treo tường, tranh ảnh giáo dục khoảng 500 bản, chi phí in cao, lợi nhuận không đáng kể.

+ Tình trạng in lậu diễn ra phổ biến ở mảng sản phẩm chủ yếu Atlas, Tập bản đồ bài tập thực hành Địa lý 6,7,8,9...ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty;

+ Đại hội đồng cổ đông 2019 thông qua các chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Số tiền
- Tổng doanh thu:	56.000.000.000 đồng
- Tổng chi phí:	52.400.000.000 đồng
- Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN:	3.600.000.000 đồng
- Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN:	2.880.000.000 đồng
- Tỷ lệ cổ tức:	14%

+ Kết quả thực hiện năm 2019:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ HT
- Tổng doanh thu bán hàng	56.000.000.000	63.487.130.267	113,37%
- Tổng chi phí	52.400.000.000	58.165.640.228	110,0%
- Lợi nhuận trước thuế TNDN	3.600.000.000	5.321.490.039	147,82%
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	2.880.000.000	4.219.698.908	146,5%
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.636	2.398	146,5%
- Tỷ lệ cổ tức	14%	14%	100 %

Để đạt được thành quả trên, các thành viên Hội đồng Quản trị đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình trong phạm vi, quyền hạn quy định tại Điều lệ Công ty. Hội

đồng quản trị điều hành hoạt động của Công ty theo đúng định hướng phát triển góp phần hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2019 mà Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Các quyết định thông qua tại phiên họp đều nhận được sự nhất trí 100% của các thành viên dự họp và được Ban điều hành triển khai thực hiện với hiệu quả cao nhất vì quyền lợi của cổ đông và người lao động Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance

Hiện Công ty có 02 thành viên HĐQT là Giám đốc và Kế toán trưởng, vì vậy việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành được thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc. Ngoài các phiên họp, HĐQT thường xuyên trao đổi thông tin để xử lý kịp thời và hiệu quả các vấn đề phát sinh. Ban Giám đốc đã thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT có những quyết sách cụ thể để đối phó với tình hình kinh tế - xã hội năm 2019 để có được kết quả kinh doanh như trên.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors

Năm 2020 bắt đầu với những khó khăn thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung, tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục nói riêng. Dịch viêm phổi cấp Covid -19 ảnh hưởng toàn diện đến tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội của nước ta; ảnh hưởng tới tâm lý người dân trong xã hội, gián đoạn chuỗi cung ứng và lưu chuyển thương mại, tình hình sản xuất kinh doanh của các ngành nghề bị đình trệ. Đồng thời, đây cũng là năm đầu tiên thực hiện chương trình thay sách giáo khoa lớp 1. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phê duyệt 5 bộ sách giáo khoa mới dùng cho học sinh lớp 1. Toàn bộ hệ thống sản phẩm của Công ty được xây dựng mới theo chương trình môn học, không bám sát vào một bộ sách nào. Để giúp Công ty có thể đứng vững trong thị trường giáo dục trước thử thách mới và phát triển, HĐQT đặt ra các mục tiêu nhiệm vụ và giải pháp như sau:

1. Mục tiêu nhiệm vụ 2020:

Công ty sẽ đứng vững và có thương hiệu trên thị trường cung ứng sản phẩm giáo dục, đồng thời trở thành Công ty cổ phần có lợi nhuận và phát triển bền vững.

2. Các giải pháp

2.1. Định hướng đầu tư và phát triển

- Tập trung củng cố phát triển mặt hàng chủ lực của Công ty, nâng cao tính đa dạng, sức cạnh tranh trên thị trường.

- Phần đầu có sự tăng trưởng về doanh thu, lợi nhuận. Tỷ lệ cổ tức đảm bảo theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Tập trung triển khai biên soạn Tập bản đồ bài tập thực hành Địa lí, Lịch sử lớp 6; Tập bản đồ Địa lí, Bản đồ - Tranh ảnh Lịch sử 6 của Công ty theo chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Nghiên cứu phương pháp làm sách của nước ngoài để ứng dụng vào sản phẩm của Công ty nhằm phát huy năng lực của học sinh.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin vào hệ thống sản phẩm của Công ty.

- Tăng cường công tác chống in lậu bằng cách áp dụng công nghệ vào sản phẩm bán chạy trên thị trường.

2.2. Công tác kế toán tài chính, cân đối và sử dụng vốn

- Bảo toàn nguồn vốn chủ sở hữu, sử dụng hiệu quả nguồn vốn kinh doanh.

- Tăng cường công tác về quản trị tài chính, báo cáo định kỳ với thông tin minh bạch, chính xác.

- Tiết kiệm trong chi tiêu và quản lý chặt chi phí sản xuất kinh doanh.

2.3. Công tác điều hành và quản trị doanh nghiệp

- Chỉ đạo Ban Giám đốc cùng đội ngũ biên tập viên, họa sĩ tập trung biên soạn các sản phẩm chủ lực của Công ty là bản đồ giáo khoa, tranh ảnh giáo dục, Atlas, tập bản đồ bài tập...theo chương trình giáo dục phổ thông mới.

- HĐQT đặt yêu cầu và giám sát chặt chẽ quá trình điều hành hoạt động theo Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt để Ban điều hành phải tìm mọi biện pháp nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, công nhân viên, cắt giảm chi phí.

- Tăng cường phối hợp trong quá trình hoạt động của Ban Kiểm soát để phát hiện sớm các bất cập, có biện pháp phòng ngừa và xử lý kịp thời, hạn chế rủi ro trong hoạt động tài chính.

- Cấu trúc bộ máy tổ chức tinh gọn, hiệu quả phù hợp với hoạt động của Công ty cổ phần và xu hướng phát triển của nền kinh tế thị trường.

2.4. Các công tác khác

- Tăng cường dân chủ thông qua tất cả các kênh chính quyền, tổ chức Đảng, công đoàn, đoàn thanh niên để xây dựng Công ty đoàn kết, thống nhất; xây dựng văn hóa doanh nghiệp; xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, vì mục tiêu phát triển doanh nghiệp và con người trong xã hội hiện đại.

- Thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động; coi trọng công tác thi đua khen thưởng với ý nghĩa là động lực quan trọng trong quá trình cống hiến và sáng tạo của mỗi cán bộ công nhân viên.

- Lấy công tác từ thiện xã hội là cầu nối cho doanh nghiệp gắn kết, chia sẻ với cộng đồng để cùng phát triển.

3. Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2020: được tính vào chi phí, bằng 5% lợi nhuận trước thuế.

4. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020: HĐQT quyết tâm chỉ đạo, điều hành Công ty hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thông qua và Chủ tịch Hội đồng thành viên NXBGDVN giao. Trên cơ sở chủ trương, nghị quyết HĐQT tích cực triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh để đạt được các chỉ tiêu cụ thể sau:

+ Tổng doanh thu:	59,0 tỷ đồng
+ Tổng chi phí sản xuất kinh doanh:	55,2 tỷ đồng
+ Lợi nhuận trước thuế:	3,8 tỷ đồng
+ Tỷ suất Lợi nhuận trước thuế / Vốn điều lệ:	20,4%
+ Cổ tức năm 2020:	15%

V. Quản trị công ty/Corporate governance (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/*Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section*).

1. Hội đồng quản trị/ Board of Directors

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/ *(list of members of the Board of Management, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company, clearly Specify independent and other members; number of positions that a member the Board of Management held in other companies)*).

- Hội đồng quản trị Công ty gồm 5 thành viên:

1. Ông Ngô Trọng Vinh	- Chủ tịch HĐQT	SLCP: 0 CP
2. Ông Nguyễn Nam Phóng	- Phó chủ tịch HĐQT	SLCP: 0 CP
3. Bà Nguyễn Thị Hồng Loan	- Thành viên HĐQT	SLCP: 4.000 CP
4. Ông Nguyễn Trọng Hà	- Thành viên HĐQT	SLCP: 0 CP
5. Bà Đặng Thị Như	- Thành viên HĐQT	SLCP: 7.900 CP

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/The committees of the Board of Director: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*Listing the committees of the Board of Directors and members of each committee*).

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/Activities of the Board of Directors: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment on the Board of Directors, specifying the number of meetings, contents and results of Board of Directors meetings*.

Trong năm 2019, HĐQT đã có 4 phiên họp thường kỳ tại phòng họp Công ty - số 45 Hàng Chuối, HBT, HN. Ngoài ra còn thông qua điện thoại thường xuyên trao đổi để nắm bắt tình hình đưa ra phương hướng hoạt động cho Công ty.

Nội dung chính các phiên họp HĐQT như sau:

Kỳ họp	Nội dung
01/2019/NQ-HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 và Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018; - Thông qua việc Phân phối lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2018; - Thông qua việc chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội cổ đông năm 2019 và tạm ứng cổ tức năm 2018 bằng tiền mặt; - Thông qua thời gian, nội dung, chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019; - Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019; - Thông qua chi phí thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2018 và Phương án chi trả thù lao năm 2019; - Thông qua việc giao cho Ban Điều hành Công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán đủ năng lực theo danh sách được Bộ Tài chính chấp thuận xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông quyết định để kiểm toán báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm 2019; - Thông qua việc đồng ý tiếp nhận ông Trần Ngọc Điệp - Nghiên cứu viên ngành Địa lý học công tác tại Viện Nghiên cứu Sư phạm, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội về công tác tại Công ty và bổ nhiệm ông Trần Ngọc Điệp giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục.
02/2019/NQ-HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Tờ trình xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông về nội dung Thỏa thuận khung hoạt động chung trong Tổ hợp công ty mẹ - công ty con Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
03/2019/NQ-HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2019; - Thông qua kế hoạch công tác trọng tâm quý IV năm 2019; - Đẩy nhanh tiến độ tổ chức biên soạn tranh ảnh giáo dục, thiết bị, đồ dùng dạy học lớp 1 theo Thông tư số 05/2019/TT-BGDĐT do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 05/04/2019. Xây dựng hệ thống sản phẩm chiến lược trọng tâm

	<p>của Công ty và có kế hoạch triển khai từng bước thực hiện theo Chương trình giáo dục phổ thông mới.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đẩy mạnh hợp tác với các đơn vị thành viên trong hệ thống NXBGDVN triển khai làm sách giáo dục theo định hướng của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, linh hoạt trong công tác triển khai thị trường tại các địa phương. - Củng cố, kiện toàn bộ máy tổ chức lãnh đạo Công ty theo đúng quy định của pháp luật và định hướng của NXBGDVN.
04/2019/BB-HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh 11 tháng năm 2019; - Thông qua kế hoạch công tác tháng 12 năm 2019; - Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020; - Tiếp tục tổ chức triển khai biên soạn bản đồ giáo khoa, tranh ảnh giáo dục, thiết bị, đồ dùng dạy học...theo Chương trình giáo dục phổ thông mới đặc biệt là các sản phẩm lớp 1 theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Thường xuyên tổ chức kiểm tra bảo vệ an toàn trụ sở, kho tàng, hàng hóa, tài sản đề phòng cháy nổ, mưa bão;

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/Activities of independent members of the Board of Directors. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/ *Activities of the committees of the Board of Directors*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/ *assessment of activities of the committees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each committee, contents and results of the meetings*): Ông Ngô Trọng Vinh - Chủ tịch HĐQT là thành viên HĐQT độc lập không điều hành. Trong năm, ông thường xuyên đến Công ty, bàn bạc với Giám đốc Công ty ra những quyết định kịp thời chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. List of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year.

2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/Members and structure of the Board of Supervisors: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/ *list of members of the Board of Supervisors, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company*).

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP nắm giữ	Ghi chú
1	Bà Nguyễn Thị Trà Giang	Trưởng Ban KS	0	T/v độc lập không điều hành
2	Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng	Ủy viên Ban KS	0	T/v độc lập không điều hành
3	Bà Nguyễn Tuyết Quỳnh	Ủy viên Ban KS	0	T/v độc lập không điều hành

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/Activities of the Board of Supervisors: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment of the Board of Supervisors, specifying the number of meetings, contents and results of the Board of Supervisors meetings*). Ban Kiểm soát đã tham gia các hoạt động sau đây:

1.1. Đối với việc quản lý tài sản, tiền vốn

- Tổ chức kiểm kê tiền mặt, tiền gửi ngân hàng hàng tháng đều có sự tham gia của Ban Kiểm soát.

- Tổ chức kiểm kê tài sản, vật tư, tiền vốn có đến thời điểm 0 giờ ngày 1/1/2020 theo đúng chế độ tài chính, thành lập các tổ kiểm kê và Hội đồng kiểm kê và xử lý kết quả kiểm kê.

- Tổ chức hạch toán kế toán chính xác, minh bạch như đánh giá trung thực, khách quan của Công ty Kiểm toán AAC.

- Ban kiểm soát tham gia kiểm tra hoạt động của công ty cùng với đoàn kiểm tra, kiểm soát của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và đoàn kiểm toán độc lập.

1.2. Đối với việc thực hiện chế độ với người lao động:

Lãnh đạo Công ty đã tạo điều kiện để các tổ chức đoàn thể thực hiện tốt các chế độ về sinh hoạt văn hoá, chăm sóc sức khoẻ cho người lao động. Bên cạnh đời sống vật chất, văn hoá tinh thần ngày một cải thiện. Thực hiện đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đều đặn và đúng quy định. Tổ chức khám sức khoẻ định kỳ, tổ chức tham quan, nghỉ mát cho người lao động.

1.3. Về tổ chức bộ máy nhân sự:

Ban Giám đốc Công ty đã được bổ nhiệm 02 Phó Giám đốc, sáp nhập 03 Phòng: Phòng Khoa học - Kỹ thuật bản đồ, Phòng Công nghệ bản đồ, Phòng Tranh ảnh giáo dục thành Phòng Biên tập, cơ cấu, sắp xếp nhân sự Phòng Biên tập nhằm củng cố cơ cấu tổ chức Công ty theo hướng hoàn thiện để thích ứng với điều kiện hoạt động mới.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits*: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/*Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits or interests which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and accounted for sufficiently*).

STT	Chức vụ	ĐVT	Mức PC 1 tháng
1	Chủ tịch HĐQT	đồng/tháng	3.700.000
2	Phó chủ tịch HĐQT	“	3.200.000
3	Ủy viên HĐQT	“	1.900.000
4	Trưởng ban Kiểm soát	“	1.111.111
5	Thành viên BKS	“	777.778

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/*Transactions of internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of the members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director), Chief Accountant, managers, Company Secretary, major shareholders and the affiliated persons*): không giao dịch

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/*Contracts or transactions with internal shareholders*: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions that Company's members of the Board of Supervisors, Director (General Director), managers and affiliated persons entered into or executed in the year with the company, subsidiaries, other companies in which the company hold the control rights*): không giao dịch

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/*Implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định

pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/*Auditor's opinions*



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: /BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính lập ngày 16/03/2020 của Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán :0753-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Dương Thị Vân Thanh -Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3671-2016-010-1

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/*Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/*Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided).*

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢN ĐỒ VÀ TRANH ẢNH GIÁO DỤC
45 Hàng Chuối, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		41.701.374.517	40.493.193.999
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		17.449.515.218	20.056.472.059
1. Tiền	111	5	6.949.515.218	10.556.472.059
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	10.500.000.000	9.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.000.000.000	4.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	4.000.000.000	4.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.935.627.645	11.057.195.466
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	15.216.132.334	11.254.250.451
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		45.000.000	15.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	222.358.379	201.379.557
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(547.863.068)	(413.434.542)
IV. Hàng tồn kho	140	11	5.265.157.812	5.300.832.036
1. Hàng tồn kho	141		8.209.361.780	8.192.030.066
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.944.203.968)	(2.891.198.030)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		51.073.842	78.694.438
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		51.073.842	78.694.438
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		796.922.941	1.021.679.959
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	131.107.072
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	-	131.107.072
- Nguyên giá	222		2.743.829.516	3.061.867.516
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.743.829.516)	(2.930.760.444)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		757.887.929	890.042.676
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	13	1.000.000.000	1.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(242.112.071)	(109.957.324)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		39.035.012	530.211
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	39.035.012	530.211
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		42.498.297.458	41.514.873.958

CÔNG TY CỔ PHẦN BÀN ĐỒ VÀ TRANH ẢNH GIÁO DỤC
45 Hàng Chuối, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		8.811.542.784	9.588.227.641
I. Nợ ngắn hạn	310		8.811.542.784	9.588.227.641
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	3.864.786.427	5.257.592.528
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		125.767.892	51.514.524
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	525.410.136	460.701.074
4. Phải trả người lao động	314		3.634.215.311	3.294.306.001
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		109.000.000	75.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	387.259.394	289.009.890
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		165.103.624	160.103.624
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		33.686.754.674	31.926.646.317
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	33.686.754.674	31.926.646.317
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	18	18.600.000.000	18.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.600.000.000	18.600.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415	18	(726.105.307)	(726.105.307)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	18	2.633.994.225	2.633.994.225
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	18	741.277.519	741.277.519
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18	12.437.588.237	10.677.479.880
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	18	8.213.479.880	7.296.567.605
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	18	4.224.108.357	3.380.912.275
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		42.498.297.458	41.514.873.958

CÔNG TY CỔ PHẦN BÀN ĐỒ VÀ TRANH ẢNH GIÁO DỤC
45 Hàng Chuối, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	19	64.178.731.902	62.716.545.888
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	1.397.613.899	1.500.623.836
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		62.781.118.003	61.215.922.052
4. Giá vốn hàng bán	11	21	43.136.866.737	44.027.078.972
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		19.644.251.266	17.188.843.080
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	646.983.577	595.951.981
7. Chi phí tài chính	22		132.154.747	95.382.681
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	23a	8.450.931.203	8.020.532.955
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23b	6.435.721.469	5.244.799.583
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.272.427.424	4.424.079.842
11. Thu nhập khác	31	24	59.028.687	6.208.407
12. Chi phí khác	32	25	4.454.261	32.394.802
13. Lợi nhuận khác	40		54.574.426	(26.186.395)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.327.001.850	4.397.893.447
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	1.102.893.493	1.016.981.172
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		4.224.108.357	3.380.912.275
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	2.400	1.921
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	27	2.400	1.921

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢN ĐỒ VÀ TRANH ẢNH GIÁO DỤC
45 Hàng Chuối, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.327.001.850	4.397.893.447
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	12	131.107.072	196.357.162
- Các khoản dự phòng	03		319.589.211	1.000.579.128
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	22, 24	(696.983.577)	(595.951.981)
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		5.080.714.556	4.998.877.756
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.952.127.780)	(470.543.830)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	11	(17.331.714)	(2.115.201.888)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(845.381.802)	2.619.148.165
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	14	(38.504.801)	12.967.603
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	16	(1.039.349.498)	(949.538.283)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		5.000.000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(3.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(806.981.039)	4.092.409.523
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	24	50.000.000	-
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	7	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	7	4.000.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9, 22	613.871.248	496.708.146
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		663.871.248	(3.503.291.854)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	17, 18c	(2.463.847.050)	(2.463.847.050)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.463.847.050)	(2.463.847.050)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(2.606.956.841)	(1.874.729.381)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5, 6	20.056.472.059	21.931.201.440
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5, 6	17.449.515.218	20.056.472.059

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢN ĐỒ VÀ TRANH ẢNH GIÁO DỤC
45 Hàng Chuối, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Mẫu số B 09 - DN
*Ban hành theo TT số 200/2014/TT – BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính*

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 3286/QĐ-BGDĐT ngày 30/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0102137109 ngày 02/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 15/06/2011.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 25/5/2009 với mã chứng khoán là ECI.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất kinh doanh và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Biên soạn, in và phát hành bản đồ, tranh ảnh giáo dục, sách giáo dục, băng đĩa CD-ROM giáo dục, sách điện tử;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị giáo dục phục vụ việc giảng dạy, học tập cho các ngành học, bậc học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học) và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Kinh doanh các xuất bản phẩm được phép lưu hành (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị dạy nghề, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, nguyên liệu, vật tư phục vụ sản xuất thiết bị giáo dục;
- Thiết kế, tạo mẫu, chế bản điện tử các sản phẩm trong lĩnh vực giáo dục (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh thiết bị điện tử, tin học phục vụ dạy và học trong nhà trường;
- Kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị ngành in;
- Môi giới thương mại và quảng cáo thương mại.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty là đơn vị độc lập duy nhất, không có Công ty con, Công ty liên kết hay Chi nhánh nào.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Cộng ty ỏp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thụng tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối niên độ kế toán.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của

Bộ Tài chính. Theo đó, dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng có khả năng không đòi được.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- ✓ Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- ✓ Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh gấp 2 lần đối với các tài sản là thiết bị dụng cụ quản lý. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty được phân bổ vào chi phí như sau:

- Chi phí tem chống lậu, bia nhựa phân bổ theo số lượng sản phẩm hoàn thành nhập kho.
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 18 tháng.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ vào kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4.8 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các Cổ đông.

Cổ phiếu Quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền đã trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.10 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.11 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận năm trước nhưng sau ngày kết thúc niên độ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của năm sau.

4.12 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.13 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.14 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.15 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng thuế suất 10% đối với hoạt động bán nẹp treo bản đồ; 5% đối với hoạt động bán sách tranh và thiết bị giáo dục; Hoạt động bán bản đồ, atlas, tranh ảnh giáo dục đĩa CD- Rom phục vụ cho giáo dục không chịu thuế.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	31/12/2019	01/01/2019
Tiền mặt	76.193.000	37.201.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.873.322.218	10.519.271.059
Cộng	<u>6.949.515.218</u>	<u>10.556.472.059</u>

6. Các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	01/01/2019
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng	10.500.000.000	9.500.000.000
Cộng	<u>10.500.000.000</u>	<u>9.500.000.000</u>

7. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn trên 3 tháng dưới 12 tháng	4.000.000.000	4.000.000.000
Cộng	<u>4.000.000.000</u>	<u>4.000.000.000</u>

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Nội	572.332.853	843.056.837
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thái Nguyên	666.713.291	727.139.684
Công ty Cổ phần Sách Giáo Dục tại TP. Hồ Chí Minh	5.774.807.160	2.118.611.956
Công ty Cổ phần Sách và Văn hóa phẩm Quảng Lợi	1.007.828.114	801.967.178
Các đối tượng khác	7.194.450.916	6.763.474.796
Cộng	<u>15.216.132.334</u>	<u>11.254.250.451</u>

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	434.144.560	534.964.400
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục miền Nam	465.270.400	263.962.960
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	500.419.540	364.186.200
Công ty Cổ phần Sách Giáo Dục tại TP. Hồ Chí Minh	5.774.807.160	2.118.611.956
Công ty Cổ phần Phát hành Sách giáo dục	857.622.770	353.758.270
Các đối tượng khác	192.032.013	301.115.681
Cộng	8.224.296.443	3.936.599.467

9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	194.942.466	-	161.830.137	-
Phải thu thuế TNCN	22.415.913	-	39.549.420	-
Tạm ứng	5.000.000	-	-	-
Cộng	222.358.379	-	201.379.557	-

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2019	01/01/2019
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	547.863.068	413.434.542
- Từ 3 năm trở lên	88.251.640	197.807.080
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	29.209.776	22.130.430
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	170.930.580	54.396.612
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	259.471.072	139.100.420
Cộng	547.863.068	413.434.542

11. Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	15.465.555	-	394.506.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	25.832.703	-	101.885.137	-
Chi phí SX, KD dở dang	-	-	3.759.360	-
Thành phẩm	3.487.823.961	1.853.373.820	3.537.197.035	1.076.723.447
Hàng hóa	4.680.239.561	1.090.830.148	4.154.682.534	1.814.474.583
Cộng	8.209.361.780	2.944.203.968	8.192.030.066	2.891.198.030

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2019 là 1.808.729.171 đồng. Hiện nay, Công ty chưa có kế hoạch thanh lý đối với các mặt hàng có thể tiêu thụ và hủy bỏ đối với các mặt hàng còn lại.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2019.

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	342.503.748	2.486.967.700	232.396.068	3.061.867.516
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	318.038.000	-	318.038.000
Số cuối năm	342.503.748	2.168.929.700	232.396.068	2.743.829.516
Khấu hao				
Số đầu năm	342.503.748	2.355.860.628	232.396.068	2.930.760.444
Khấu hao trong năm	-	131.107.072	-	131.107.072
Giảm trong năm	-	318.038.000	-	318.038.000
Số cuối năm	342.503.748	2.168.929.700	232.396.068	2.743.829.516
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	131.107.072	-	131.107.072
Số cuối năm	-	-	-	-

- Không có TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2019.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 2.743.829.516 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Các cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có.

13. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2019				01/01/2019			
	Tình hình hoạt động	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác			1.000.000.000	242.112.071	-	1.000.000.000	109.957.324	-
- Công ty CP Đầu tư Xuất bản - TBGD Việt Nam	Đang hoạt động	100.000	1.000.000.000	242.112.071	-	1.000.000.000	109.957.324	-
Cộng			1.000.000.000	242.112.071	-	1.000.000.000	109.957.324	-

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - TBGD Việt Nam chưa được niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán và Công ty không có nguồn dữ liệu đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này. Công ty trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này dựa trên báo cáo tài chính năm 2019 của

công ty CP Đầu tư Xuất bản – TBGD Việt Nam.

14. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Công cụ dụng cụ đã xuất dùng	38.599.240	-
Tem chống in lậu	273.438	530.211
Thẻ cào điện tử	162.334	-
Cộng	<u>39.035.012</u>	<u>530.211</u>

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
XN Bản đồ 1 - CN Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ Công ty TNHH In và TBGD Đông Á	399.490.954	480.124.107
Công ty TNHH In và TBGD Đông Á	2.080.994.248	2.588.094.448
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	694.527.785	1.155.589.087
Các đối tượng khác	689.773.440	1.033.784.886
Cộng	<u>3.864.786.427</u>	<u>5.257.592.528</u>

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	694.527.785	1.155.589.087
Các đối tượng khác	32.100.000	76.160.960
Cộng	<u>726.627.785</u>	<u>1.231.750.047</u>

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	-	132.798.905	132.798.905	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	110.720.667	1.102.893.493	1.039.349.498	174.264.662
Thuế thu nhập cá nhân	94.528.168	840.301.415	839.136.348	95.693.235
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	255.452.239	280.501.670	280.501.670	255.452.239
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	<u>460.701.074</u>	<u>2.359.495.483</u>	<u>2.294.786.421</u>	<u>525.410.136</u>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019	01/01/2019
Kinh phí công đoàn	206.976.612	182.958.388
Thù lao HĐQT, BKS	112.256.663	53.984.968
Thuế TNCN thu thừa	78.184.834	48.596.500
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.113.985	1.961.035
Phải trả khác	1.727.300	1.508.999
Cộng	401.259.394	289.009.890

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2018	18.600.000.000	(726.105.307)	2.633.994.225	741.277.519	9.760.567.605	31.009.734.042
Tăng trong năm	-	-	-	-	3.380.912.275	3.380.912.275
Giảm trong năm	-	-	-	-	2.464.000.000	2.464.000.000
Số dư tại 31/12/2018	18.600.000.000	(726.105.307)	2.633.994.225	741.277.519	10.677.479.880	31.926.646.317
Số dư tại 01/01/2019	18.600.000.000	(726.105.307)	2.633.994.225	741.277.519	10.677.479.880	31.926.646.317
Tăng trong năm	-	-	-	-	4.224.108.357	4.224.108.357
Giảm trong năm	-	-	-	-	2.464.000.000	2.464.000.000
Số dư tại 31/12/2019	18.600.000.000	(726.105.307)	2.633.994.225	741.277.519	12.437.588.237	33.686.754.674

b. Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.860.000	1.860.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.860.000	1.860.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.860.000	1.860.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	100.000	100.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000	100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.760.000	1.760.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.760.000	1.760.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	10.677.479.880	9.760.567.605
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm này	4.224.108.357	3.380.912.275
Phân phối lợi nhuận	2.464.000.000	2.464.000.000
- Phân phối lợi nhuận năm trước	2.464.000.000	2.464.000.000
+ Chia cổ tức	2.464.000.000	2.464.000.000
- Tạm phân phối lợi nhuận năm này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	12.437.588.237	10.677.479.880

(*) Lợi nhuận năm 2018 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 27/03/2019.

d. Cổ tức

Đại hội đồng thường niên ngày 27/03/2019 đã phê duyệt mức cổ tức năm 2018 bằng tiền với tỷ lệ 14% tương ứng 2.464.000.000 đồng và Công ty đã chốt danh sách ngày 19/02/2019 và thanh toán ngày 12/03/2019.

19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019	Năm 2018
Doanh thu bán đồ, tranh ảnh giáo dục	43.964.254.930	42.878.591.820
Doanh thu thiết bị giáo dục	20.204.490.984	19.828.573.808
Doanh thu bán sách tham khảo	2.046.788	2.344.860
Doanh thu phim, băng đĩa	7.939.200	7.035.400
Cộng	64.178.731.902	62.716.545.888

20. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2019	Năm 2018
Chiết khấu thương mại	764.900.473	837.088.108
Hàng bán bị trả lại	632.713.426	663.535.728
Cộng	1.397.613.899	1.500.623.836

21. Giá vốn hàng bán

	Năm 2019	Năm 2018
Giá vốn bán đồ, tranh ảnh giáo dục	26.564.328.783	26.497.046.229
Giá vốn thiết bị giáo dục	16.514.315.747	16.493.650.108
Giá vốn sách tham khảo	1.895.626	3.970.594
Giá vốn khác	3.320.643	3.095.786
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	53.005.938	1.029.316.255
Cộng	43.136.866.737	44.027.078.972

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	646.983.577	595.951.981
Cộng	646.983.577	595.951.981

23. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2019	Năm 2018
Tiền lương và các khoản trích theo lương	4.191.606.133	3.515.442.557
Chi phí bốc xếp vận chuyển	901.345.571	855.131.883
Chi phí hoa hồng môi giới	1.444.889.496	1.297.065.957
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	662.803.636	606.302.727
Các khoản khác	1.250.286.367	1.746.589.831
Cộng	8.450.931.203	8.020.532.955

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2019	Năm 2018
Tiền lương và các khoản trích theo lương	3.500.924.502	2.851.439.496
Chi phí thuê nhà	126.163.636	157.704.545
Chi phí giao dịch, hội nghị	896.953.329	520.777.535
Dịch vụ phí, chuyển tiền, công văn...	198.938.903	143.621.853
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	134.428.526	(124.119.808)
Các khoản khác	1.583.824.384	1.695.375.962
Cộng	6.441.233.280	5.244.799.583

24. Thu nhập khác

	Năm 2019	Năm 2018
Vật tư, hàng hóa thừa sau kiểm kê	-	5.628.563
Thu từ thanh lý tài sản	50.000.000	-
Thu từ thanh lý CCDC	1.272.728	-
Các khoản khác	7.755.959	579.844
Cộng	59.028.687	6.208.407

25. Chi phí khác

	Năm 2019	Năm 2018
Phạt và truy thu thuế	-	26.857.492
Xử lý hàng thiếu do kiểm kê	-	5.075.055
Các khoản khác	4.454.261	462.255
Cộng	4.454.261	32.394.802

26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019	Năm 2018
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.327.001.850	4.397.893.447
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	187.465.614	167.894.792
- Điều chỉnh tăng	187.465.614	167.894.792
+ Chi phí không hợp lệ	4.454.261	32.394.802
+ Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	183.011.353	135.499.990
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	5.514.467.464	4.565.788.239
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.102.893.493	1.016.981.172
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	1.102.893.493	913.157.648
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	103.823.524

27. Lãi cơ bản suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.224.108.357	3.380.912.275
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.224.108.357	3.380.912.275
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.760.000	1.760.000
Lãi cơ bản suy giảm trên cổ phiếu (*)	2.400	1.921

(*) Điều lệ cũng như Nghị quyết của Đại hội cổ đông Công ty không quy định cụ thể về việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2019; Do đó, chỉ tiêu lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu 2019 chưa loại trừ ảnh hưởng của việc trích lập các quỹ này.

28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.051.732.126	2.661.994.613
Chi phí nhân công	12.967.959.058	11.412.157.881
Chi phí khấu hao tài sản cố định	131.107.072	196.357.162
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.926.235.441	21.346.191.784
Chi phí khác bằng tiền	3.441.869.827	3.332.223.995
Cộng	41.518.903.524	38.948.925.435

29. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh bản đồ, tranh ảnh và các sản phẩm giáo dục và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

30. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Chi phí in ấn và chi phí nguyên liệu chiếm phần lớn trong giá thành thành phẩm nên Công ty chịu rủi ro về giá phí in ấn và giá nguyên vật liệu. Bên cạnh đó, Công ty còn chịu rủi ro về giá hàng hóa kinh doanh. Công ty quản lý rủi ro về chi phí in ấn thông qua việc tìm kiếm nhà cung cấp với phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in và ký hợp đồng nguyên tắc từ đầu năm để giảm chi phí. Đối với nguyên vật liệu và hàng hóa, Công ty lựa chọn những đối tác tin cậy lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Ngoài ra, Công ty còn so sánh mức giá giữa các nhà cung cấp để đảm bảo mua nguyên vật liệu, hàng hóa chất lượng nhưng với mức giá hợp lý nhất.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng chủ yếu của Công ty là các công ty sách, các trường học, các Sở, phòng giáo dục đào tạo, các đơn vị thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, thanh toán công nợ kịp thời nên Ban Giám đốc Công ty cho rằng rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng ở mức thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ

đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	3.864.786.427	-	3.864.786.427
Chi phí phải trả	109.000.000	-	109.000.000
Phải trả khác	194.282.782	-	194.282.782
Cộng	4.168.069.209	-	4.168.069.209

01/01/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	5.257.592.528	-	5.257.592.528
Chi phí phải trả	75.000.000	-	75.000.000
Phải trả khác	106.051.502	-	106.051.502
Cộng	5.438.644.030	-	5.438.644.030

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh toán và tin tưởng rằng công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.449.515.218	-	17.449.515.218
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.000.000.000	-	4.000.000.000
Phải thu khách hàng	14.668.269.266	-	14.668.269.266
Phải thu khác	217.358.379	-	217.358.379
Đầu tư tài chính	-	757.887.929	757.887.929
Cộng	36.335.142.863	757.887.929	37.093.030.792

01/01/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.056.472.059	-	20.056.472.059
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.000.000.000	-	4.000.000.000
Phải thu khách hàng	10.840.815.909	-	10.840.815.909
Phải thu khác	201.379.557	-	201.379.557
Đầu tư tài chính	-	890.042.676	890.042.676
Cộng	35.098.667.525	890.042.676	35.988.710.201

31. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (Sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Đơn vị trực thuộc của NXBGDVN
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP.Cần Thơ	Đơn vị trực thuộc của NXBGDVN
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH TP.Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục miền Bắc	Chung Công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

Giao dịch		Năm 2019	Năm 2018
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Cần Thơ	Bán bản đồ, tranh ảnh	-	1.114.211.200
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Bán bản đồ, tranh ảnh	3.078.500.000	2.562.169.600
Công ty Cổ phần Sách Giáo Dục tại TP. Hồ Chí Minh	Bán bản đồ, tranh ảnh	10.861.651.360	9.952.322.230
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	Bán bản đồ, tranh ảnh	2.330.180.793	3.023.599.840
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phí quản lý xuất bản	747.772.000	798.445.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	Mua thiết bị Giáo dục	4.551.643.360	4.978.358.164

c. Lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc

	Năm 2019	Năm 2018
Thù lao Hội đồng quản trị	183.000.000	183.100.000
Tiền lương Ban Giám đốc	1.288.030.946	498.501.227

32. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ngày 18/02/2020, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết số 01/2020/HĐQT-NQ về việc tạm ứng cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt tỷ lệ 14%, ngày đăng ký cuối cùng: 13/03/2020, thời gian thanh toán: 25/03/2020.

Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải giải trình hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

33. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi AAC.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE



GIÁM ĐỐC

- 51 -
Nguyễn Thị Hồng Loan